

Số: 70 /QĐ-SYT

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh
thực hiện tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hóa**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THANH HOÁ

Căn cứ Quyết định số 3766/QĐ-UBND ngày 26/11/2008 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về Y tế thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện;

Căn cứ Thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Danh mục 79 kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hóa bao gồm (có danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hóa có nhiệm vụ bảo đảm về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn để thực hiện các kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đã được phê duyệt; thực hiện đúng các quy định liên quan của pháp luật, bảo đảm an toàn cho người bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Ông, Bà Trưởng phòng Nghiệp vụ Y; QLHNYD tư nhân; Kế hoạch - Tài chính, Chánh thanh tra Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện đa khoa thành phố Thanh Hóa và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BHXH tỉnh (để p/h);
- Lưu VT, NVY^{PhướcHN (03)}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Thái Hòa



**BỔ SUNG DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ THANH HÓA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 70 /QĐ-SYT ngày 14 tháng 02 năm 2022
của Giám đốc Sở Y tế Thanh Hóa)*

STT	STT theo TT 43, TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
II. NỘI KHOA						
1	158	Test chẩn đoán nhược cơ bằng thuốc	x	x	x	
III. NHI KHOA						
2	1076	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser).	x	x		
3	1615	Ghép da hay vạt da điều trị hở mi do sẹo	x	x		
XIII. PHỤ SẢN						
4	229	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần	x			
5	234	Phá thai bệnh lý (bệnh lý mẹ, bệnh lý thai)	x	x		
XIV. MẮT						
6	69	Ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc	x	x		
7	129	Ghép da hay vạt da điều trị hở mi do sẹo	x	x		
8	170	Phẫu thuật lác người lớn	x	x	x	
9	244	Chụp đáy mắt không huỳnh quang	x	x		
XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG						
10	160	Điều trị bằng Laser công suất thấp nội mạch	x	x	x	
XVIII. ĐIỆN QUANG						
11	31	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	x	x	x	
12	150	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
13	192	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
14	223	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x		
15	256	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
16	258	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
17	260	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng	x	x	x	

		có tiêm thuốc cản quang				
18	262	Thụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang	x	x		
XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP						
19	79	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng kết hợp sinh thiết	x	x		
20	84	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	x	x		
XXIII. HÓA SINH						
21	228	Định lượng CRP	x	x	x	
XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI						
22	479	Phẫu thuật nội soi điều trị khớp gối bằng gân đồng loại (nội soi tái tạo dây chằng chéo trước, chéo sau, mổ mở tái tạo dây chằng bên chày, bên mác)	x			
XXVIII. TẠO HÌNH - THẨM MỸ						
23	11	Phẫu thuật cắt bỏ ung thư da vùng da đầu dưới 2cm	x	x		
24	25	Phẫu thuật ghép mỡ trung bì vùng trán	x	x		
25	30	Phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman vùng trán	x	x		
26	44	Phẫu thuật treo mi lên cơ trán điều trị sụp mi	x	x		
27	47	Phẫu thuật chuyên gân điều trị hờ mi	x	x		
28	66	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt	x	x	x	
29	68	Phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman điều trị lõm mắt	x	x		
30	69	Phẫu thuật ghép mỡ trung bì tự thân điều trị lõm mắt	x	x		
31	79	Điều trị chùng cơ mi trên bằng botox	x	x		
32	80	Điều trị chùng cơ giết mi trên bằng botox	x	x		
33	81	Tái tạo cung mày bằng vật có cuống mạch nuôi	x	x		
34	90	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vật có cuống mạch nuôi	x	x		
35	92	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vật da từ xa	x	x		
36	93	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng các vật da có cuống mạch nuôi	x	x		
37	94	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng ghép phức hợp vành tai	x	x		
38	120	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vật từ xa	x	x		
39	148	Phẫu thuật tạo hình thu nhỏ vành tai	x	x	x	



40	196	Phẫu thuật tạo hình thiếu sản bẩm sinh toàn bộ mặt bằng ghép mỡ coleman	x	x	x	
41	217	Cắt u máu vùng đầu mặt cổ	x	x	x	
42	218	Cắt dị dạng bạch mạch đầu mặt cổ	x	x	x	
43	219	Cắt dị dạng tĩnh mạch đầu mặt cổ	x	x	x	
44	221	Phẫu thuật cắt ung thư da vùng cổ mặt dưới 5cm và tạo hình bằng ghép da tự thân	x	x		
45	222	Phẫu thuật cắt ung thư da vùng cổ mặt dưới 5cm và tạo hình bằng vạt da tại chỗ	x	x		
46	223	Phẫu thuật cắt ung thư da vùng cổ mặt trên 5cm và tạo hình bằng vạt da lân cận	x	x		
47	238	Phẫu thuật lấy bỏ chất liệu ghép nhân tạo vùng đầu mặt	x	x		
48	239	Phẫu thuật lát bỏ chất silicon lỏng vùng mặt cổ	x	x		
49	240	Phẫu thuật lấy bỏ chất liệu độn vùng mặt cổ	x	x		
50	286	Phẫu thuật tạo hình vết thương khuyết da dương vật bằng vạt da tại chỗ	x	x		
51	317	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cánh tay bằng vạt tại chỗ	x	x		
52	318	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cẳng tay bằng vạt tại chỗ	x	x		
53	319	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cánh tay bằng vạt lân cận	x	x		
54	320	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cẳng tay bằng vạt lân cận	x	x		
55	338	Phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật	x	x	x	
56	342	Khâu nối thần kinh khhông sử dụng vi phẫu thuật	x	x	x	
57	345	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 24 giờ điều trị vết thương mãn tính	x	x		
58	346	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 48 giờ điều trị vết thương mãn tính	x	x		
59	360	Phẫu thuật tạo hình ngón tay cái xẻ đôi	x	x		
60	361	Phẫu thuật sửa sẹo co nách bằng ghép da tự thân	x	x		
61	362	Phẫu thuật sửa sẹo co khuỷu bằng ghép da tự thân	x	x		

62	370	Phẫu thuật sửa sẹo co cổ bàn tay bằng tạo hình chữ Z	x	x		
63	371	Phẫu thuật sửa sẹo co ngón tay bằng tạo hình chữ Z	x	x		
64	372	Phẫu thuật sửa sẹo co cổ bàn tay bằng ghép da tự thân	x	x		
65	373	Phẫu thuật sửa sẹo co ngón tay bằng ghép da tự thân	x	x		
66	380	Phẫu thuật tạo vật trị hoãn cho bàn ngón tay	x	x		
67	381	Phẫu thuật tạo vật tĩnh mạch cho khuyết phần mềm bàn ngón tay	x	x		
68	402	Phẫu thuật tạo hình các khuyết chi dưới bằng vật da cơ có cuống mạch nuôi	x	x		
69	436	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau chích chất làm đầy vùng mũi	x	x	x	
70	461	Hút mỡ vùng lưng	x	x	x	
71	473	Phẫu thuật tạo hình bụng bán phần	x	x	x	
72	474	Phẫu thuật tạo hình bụng toàn phần	x	x	x	
73	475	Phẫu thuật căng da bụng không cắt rời và di chuyển rốn	x	x	x	
74	476	Phẫu thuật căng da bụng có cắt rời và di chuyển rốn	x	x	x	
75	477	Phẫu thuật tái tạo thành bụng đơn giản	x	x	x	
76	478	Phẫu thuật tái tạo thành bụng phức tạp	x	x	x	
77	479	Phẫu thuật tạo hình thành bụng toàn phần kết hợp hút mỡ bụng	x	x	x	
78	480	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ tạo hình thẩm mỹ bụng	x	x	x	
79	483	Phẫu thuật chỉnh hình cằm bằng tiêm chất làm đầy	x	x	x	

(Tổng số: 79 danh mục kỹ thuật)